

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐAK PƠ - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 21/9/2017

V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAK PƠ, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Yến Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đình Nhỏ.

2. Bà Trần Thị Phúc Ân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Ngọc Mai, thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hồng Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Đak Pơ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2017/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2017/QĐXX-ST- HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đỗ Hà N, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn CC, xã CA, huyện D, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn AD, xã CA, huyện D, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn là anh Đỗ Hà N trình bày tại đơn khởi kiện ngày 18/5/2017, bản tự khai và tại phiên tòa như sau: Anh Đỗ Hà N và chị Nguyễn Thị O tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 24/12/2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CA, huyện D, tỉnh Gia Lai. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân trước khi kết hôn với chị O anh N đã ly hôn vợ và nuôi một đứa con. Chị O và gia đình đã chấp nhận sẽ yêu thương và lo lắng cho con gái anh N nhưng thực tế chị O không làm được điều đó, không quan tâm đến con cái và công việc. Anh N đã nhiều lần phân giải nhưng chị O không nghe nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, thậm chí gia đình hai bên cũng có xích mích với nhau. Chị O đã bỏ về nhà cha mẹ để sống và đi nơi khác làm ăn, phần ai nấy sống từ tháng 12 năm 2016. Anh N xét thấy

cuộc sống của vợ chồng thực sự không có tiếng nói chung, không thể tiếp tục sống chung với nhau nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh và chị Nguyễn Thị O được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã tổng đạt hợp lệ cho chị Nguyễn Thị O nhưng chị O không đến Tòa án làm việc, cũng không cung cấp lời khai hay cung cấp chứng cứ gì.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của anh Đỗ Hà N xin ly hôn với chị Nguyễn Thị O.

Về án phí: Anh Đỗ Hà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Đỗ Hà N có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai giải quyết ly hôn đối với bị đơn Nguyễn Thị O, trú tại Thôn AD, xã CA, huyện D nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng chị O không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Do đó Tòa án áp dụng các quy định tại khoản 3 Điều 173; Điều 179, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để giải quyết vụ án.

2. Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở lời khai của anh Đỗ Hà N, giấy chứng nhận kết hôn và các tài liệu chứng cứ khác đủ cơ sở kết luận: Anh N và chị O đăng ký kết hôn vào ngày 24/12/2015 tại Ủy ban nhân dân xã CA, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Việc kết hôn của anh N và chị O là hoàn toàn tự nguyện, đúng

pháp luật, không bị lừa dối, ép buộc, không vi phạm điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị O là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Đỗ Hà N: Anh N cho rằng vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị O không yêu thương chăm sóc con riêng của anh N, không chăm lo công việc gia đình và vợ chồng không có tiếng nói chung, chị O luôn cãi lời chồng bất kể đúng sai. Thậm chí hai bên gia đình còn có lời qua tiếng lại, chị O về nhà cha mẹ để ở từ tháng 12 năm 2016 và đi làm ăn xa, anh N gọi điện không về. Trên cơ sở trình bày của đương sự, xét thấy nội dung đơn xác nhận tình trạng hôn nhân của anh Đỗ Hà N được Ủy ban nhân dân xã CA, huyện Đ, tỉnh Gia Lai xác nhận ngày 09/8/2017 là phù hợp với lời khai của anh N. Trong quá trình Tòa án giải quyết chị O không đến Tòa án làm việc, cũng không thể hiện thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa anh N và chị O thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Hà N, xử cho anh N được ly hôn với chị Nguyễn Thị O.

3. Về con chung: Anh N khai anh và chị O không có con chung.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Anh N khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Anh Đỗ Hà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; khoản 1 Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Hà N. Anh Đỗ Hà N được ly hôn với chị Nguyễn Thị O.

2. Về án phí:

Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Anh Đỗ Hà N phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ

thảm 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) mà anh N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0004119 ngày 24/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Anh N đã nộp đủ án phí.

3. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (21/9/2017) nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Đ;
- UBND xã CA, huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trịnh Thị Yến Ngọc**